

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2025
V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QU

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thuỳ Hương và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thuỳ Liên - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Qu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 tham gia phiên tòa: ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Qu tiến Hnh xét xử sơ thẩm công KH vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST - HNGĐ ngày 11/7/2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1980; Nơi cư trú: thôn B, xã H, tỉnh Qu. Có mặt

Căn cước công dân số: 044180000367

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1980; Nơi cư trú: thôn Bàng, xã H, tỉnh Qu. Có mặt

Căn cước công dân số: 044080004970

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 22/11/2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hoà Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Hoà Lão, tỉnh Qu) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2017 vì cuộc sống mưu sinh chị H phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cũng từ đó do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ở xa nhau, cả H không tin tưởng lẫn nhau nghi ngờ người kia có quan hệ ngoài luồng nên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hết sức căng thẳng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau

nữa. Tháng 4 năm 2025, chị H về nước và ở nH ngoại chứ không về nH riêng của vợ chồng, chị và anh H cũng không gặp nhau để nói chuyện thẳng thắn về vấn đề vợ chồng. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Phong Nhã, sinh năm 2002 và Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 14/6/2008. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn cháu Nhã đã trưởng tHnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Riêng cháu Bảo có nguyện vọng ở với chị nên chị có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại xã Hoà Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Qu) vào ngày 22/11/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi làm ăn xa nên tình cảm dần pH nhạt, chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh H đã chấp nhận tha thứ để vợ chồng Hn gắn tình cảm cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị H không đồng ý. Từ năm 2018 cho đến nay anh không còn liên lạc gì với chị H. Tháng 4 năm 2025 chị H về nước nhưng không về nH riêng của vợ chồng mà lại ở ngoại nên vợ chồng anh chị cho đến nay cũng không nói chuyện với nhau. Nay, chị H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Anh sẽ bỏ qua tất cả để vợ chồng làm lại từ đầu.

Anh H cũng thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì anh cũng đồng ý cháu Nhã đã trưởng tHnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết còn giao cháu Bảo cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng anh cũng nhất trí như trình bày của chị H.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Khu vực I phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên toà Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của

Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, H bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H; về quan hệ con chung: Con chung Nguyễn Phong Nhã, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 14/6/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với chị H nên anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh H có nơi cư trú là thôn Bàng, xã H, tỉnh Qu, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Qu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Hoà Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Qu) vào ngày 22/11/2000 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, anh chị không tin tưởng lẫn nhau và nghi ngờ đối phương không chung thủy, từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Tháng 4 năm 2025 chị H trở về nước nhưng không về sống

chung cùng anh H mà về nH ngoại sinh sống. Quá trình hoà giải chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, anh H đề nghị vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho con con cái anh sẵn sàng bỏ qua mâu thuẫn, lỗi lầm của vợ để vợ chồng làm lại từ đầu nhưng chị H không đồng ý, anh H cũng không đưa ra được phương án đoàn tụ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị H và anh H không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Phong Nh, sinh năm 2002 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/6/2008. Chị H và anh H thống nhất thoả thuận sau khi ly hôn cháu Nhã đã trưởng tHnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết; giao cháu Nguyễn Gia B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu, nguyện vọng của chị H và anh H là giao con Nguyễn Gia b cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, chị H khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình nên không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H điều thống nhất trình bày vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Phong Nh, sinh năm 2002 và Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 14/6/2008. Sau khi Ly hôn con Nguyễn Phong Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/6/2008. Chị H không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ NH nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Thi Hnh án dân sự tỉnh Qu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005503 ngày 11 tháng 7 năm 2025, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Qu;
- TAND tỉnh Qu;
- UBND xã H (nay là xã H)
- Số GCNKH: 27 ngày 22/11/2000;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm